

Bản án số: 202/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2017

V/v “Ly hôn giữa chị N và anh M”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 542/2017/HNGĐ-ST ngày 18/5/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích N** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 28^B/6 VTS, phường PL, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Đặng Hữu M** – sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 28^B/6 VTS, phường PL, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/4/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: Bà và ông Đặng Hữu M tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PL vào năm 2013 và có một con chung là Đặng Nguyên L – sinh ngày 07/3/2014 hiện đang ở với bà. Trong quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hòa hợp, không hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, ông M không còn quan tâm đến vợ và con nữa. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông M, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu L trưởng thành. Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Hữu M trình bày:** Ông thừa nhận quan hệ hôn nhân và con chung đúng như bà N trình bày. Nay bà N xin ly hôn thì ông hoàn toàn đồng ý ly hôn với bà N, đồng ý giao con chung tên Đặng Nguyên L cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay ông đang thất nghiệp không có khả năng cấp dưỡng nuôi con khi nào có điều kiện thì cấp dưỡng sau. Vợ chồng không có tài sản chung.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà N và ông M có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường PL là hoàn toàn hợp pháp. Tại phiên tòa bà N và ông M thuận tình ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về con chung:** Bà N và ông M có một con chung là Đặng Nguyên L sinh năm 2014 đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông M đồng ý giao cho bà N trực tiếp nuôi con. Bà N yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, nhưng hiện tại ông M có khó khăn, đang thất nghiệp đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Bà N, ông M đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

- **Về án phí:** Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình, ông M phải chịu án phí dân sự theo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Đặng Hữu M tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PL, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2013, quyển số 01/2013 ngày 17/5/2013) là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày và bản tự khai của bà N và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Trong quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên bà N, ông M thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hòa hợp, không hạnh phúc và đã ly thân. Cuộc sống vợ chồng không theo qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2015 là “Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu xin ly hôn với ông M và ông M đồng ý thuận tình ly hôn với bà N nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông M.

[2] Về con chung: Bà N, ông M có một con chung là Đặng Nguyên L – sinh ngày 07/3/2014 hiện đang ở với bà N. Bà N xin nuôi con chung và ông M đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cháu L cho bà N trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tuổi trưởng thành theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu L trưởng thành. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N là chính đáng nhưng mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng là cao so với nhu cầu của cháu L mới hơn 3 tuổi, không phù hợp với hoàn cảnh của ông M đang thất nghiệp nên buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi con cho bà N đối với cháu L mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Bà N, ông M đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình, ông M phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Đặng Hữu M.

2. Giao con chung là Đặng Nguyên L – sinh ngày 07/3/2014 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tuổi trưởng thành.

Ông M phải cấp dưỡng nuôi con cho bà N đối với cháu L mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi

Ông M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông M, bà N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Bà N, ông M đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

4. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:*

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0006730 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Đặng Hữu M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. NT;
- THADS Tp. NT;
- UBND P. PL (ĐKKH 2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hồ Việt Cường